

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN

DANH SÁCH

Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giáo viên mầm non

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Thủy Nguyên)

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
Bổ nhiệm vào CDNN GVMN hạng III (V.07.02.26) đối với GVMN hạng III (V.07.02.05)																				
1	MN An Lư	1	Hoàng Thị Hiệp	7/1/1987	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	25/07/2016 27/08/2010	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	3/1/2023	x
2	MN An Lư	2	Phạm Thị Hằng	7/30/1983	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	22/03/2017 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
3	MN An Lư	3	Nguyễn Thúy Hồng	8/16/1991	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	25/07/2016 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
4	MN An Lư	4	Nguyễn Thị Hương	7/18/1986	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	25/07/2016 06/06/2007	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	1/1/2023	x
5	MN An Lư	5	Bùi Thị Hương	10/28/1992	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	22/03/2017 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
6	MN An Lư	6	Vũ Thị Lợi	11/7/1983	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	15/07/2013 30/8/2007	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x
7	MN An Lư	7	Nguyễn Thị Minh Tâm	11/3/1986	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	25/07/2016 27/08/2010	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
8	MN An Lư	8	Nguyễn Thùy Linh	11/1/1993	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	09/03/2017 25/02/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	3/1/2023	x
9	MN An Lư	9	Vũ Thị Thanh	11/30/1983	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	15/07/2013 30/8/2007	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
10	MN An Lư	10	Phạm Thị Huyền	6/25/1978	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	25/07/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	9/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	9/1/2022	x
11	MN An Sơn	1	Lê Thị Vân	6/21/1983	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	30/08/2007 02/04/2014	8/26/2016	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x
12	MN An Sơn	2	Đặng Thị Nguyệt	8/8/1988	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	06/06/2012 20/06/2016	8/26/2016	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
13	MN Cao Nhân	1	Nguyễn Thị Hải Yến	7/17/1980	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	29/03/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
14	MN Cao Nhân	2	Đồng Thị Phương	9/2/1986	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	12/1/2022	x
15	MN Cao Nhân	3	Hoàng Thị Mạo	10/25/1982	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	27/08/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
16	MN Chính Mỹ	1	Đỗ Thị Thanh	1/11/1979	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	25/07/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2022	x
17	MN Chính Mỹ	2	Chu Thị Yến	9/23/1989	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	25/07/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
18	MN Đông Sơn	1	Nguyễn Thị Hải Hà	9/25/1980	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	20/04/2009 30/05/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x
19	MN Đông Sơn	2	Bùi Thị Phương	10/14/1990	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	01/7/2011 25/7/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	7/1/2022	x
20	MN Đông Sơn	3	Phạm Thị Nhung	3/20/1991	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	29/03/2013 22/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
21	MN Dương Quan	1	Đỗ Thị Hằng	3/13/1982	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	28/11/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
22	MN Dương Quan	2	Nguyễn Thị Huyền	6/18/1991	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	20/06/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
23	MN Dương Quan	3	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	4/18/1992	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	09/03/2017 25/04/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
24	MN Gia Đức	1	Đỗ Thị Nhip	11/12/1983	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	30/8/2007; 26/3/2015	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x
25	MN Gia Đức	2	Nguyễn Thị Dịu	8/14/1980	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	27/8/2010; 20/6/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
26	MN Gia Minh	1	Trần Thị Thu Hằng	6/7/1983	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	01/07/2011 25/7/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	7/1/2022	x
27	MN Gia Minh	2	Đào Thị Bích Thành	4/20/1989	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	06/06/2012 25/7/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
28	MN Hoà Bình	1	Trần Thị Thuýn	12/26/1973	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	03/09/2002 20/06/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	8	4.27	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4.27	0.00	12/1/2023	x
29	MN Hoà Bình	2	Đào Thị Thanh Hương	10/26/1979	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	30/08/2007 30/05/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x
30	MN Hoà Bình	3	Đào Thị Bích	11/5/1980	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	06/06/2012 21/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2022	x
31	MN Hoà Bình	4	Trần Thị Anh Đào	1/7/1979	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	06/06/2012 22/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
32	MN Hoà Bình	5	Nguyễn Thị Hằng	1/9/1991	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	22/03/2013 20/06/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
33	MN Hoà Bình	6	Vũ Thị Thảo	2/25/1991	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	10/09/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
34	MN Hoà Bình	7	Nguyễn Thị Thủy	08/ 07/1991	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	10/09/2013 22/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
35	MN Hoà Bình	8	Dương Thị Nhân	2/15/1982	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	25/03/2014 09/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
36	MN Hoà Bình	9	Nguyễn Thị Huyền	7/22/1985	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	25/03/2014 09/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
37	MN Hoà Bình	10	Đào Thị Hương	11/1/1989	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	20/10/2014 09/01/2018	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
38	MN Hoà Bình	11	Trần Thị Gái	5/16/1992	Giáo viên	TC SP MN ĐHSPMN	20/10/2014 09/01/2018	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
39	MN Hoa Động	1	Đoàn Thị Thanh Huyền	10/15/1981	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	30/08/2007 28/11/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	6/1/2023	x
40	MN Hoa Động	2	Nguyễn Thị Nhung	8/20/1983	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	30/08/2007 26/03/2015	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	3/1/2023	x
41	MN Hoa Động	3	Mai Thu Thủy	9/30/1990	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	06/06/2012 09/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
42	MN Hoa Động	4	Nguyễn Thị Bình	8/21/1979	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	27/08/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
43	MN Hoa Động	5	Nguyễn Thị Thu Thủy	11/28/1992	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	10/09/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
44	MN Hoàng Động	1	Vũ Thị Như Mai	9/20/1980	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2016 27/08//2010	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
45	MN Hoàng Động	2	Nguyễn Thị Minh Thương	9/4/1984	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2016 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
46	MN Hợp Thành	1	Mạc Thị Thu Hà	10/22/1980	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	15/07/2013 16/06/1999	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	8	4.27	12/1/2021	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4.27	0.00	12/1/2021	x
47	MN Hợp Thành	2	Đào Thị Thảo	2/14/1986	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	20/06/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
48	MN Hợp Thành	3	Nguyễn Thị Thao	1/8/1988	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	20/06/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	9/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	9/1/2022	x
49	MN Hợp Thành	4	Đình Thị Thu Hà	7/9/1990	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
50	MN Hợp Thành	5	Mạc Thị Lan	12/21/1983	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	22/03/2017 29/03/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
51	MN Hợp Thành	6	Ngô Thị Tươi	8/22/1991	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	25/07/2016 21/06/2011	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	7/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	7/1/2023	x
52	MN Hợp Thành	7	Doãn Thị Huyền	8/25/1990	Giáo viên	ĐH GDMN TC SPMN	22/03/2017 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
53	MN Kênh Giang	1	Nguyễn Thu Yến	10/28/1981	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	30/08/2007 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x
54	MN Kênh Giang	2	Nguyễn Thị Trang Nhung	1/20/1992	Giáo viên	TC, ĐH SPMN	10/09/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
55	MN Kiên Bái	1	Nguyễn Thị Quế Anh	6/1/1991	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	28/11/2016 01/08/2011	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	1/1/2023	x
56	MN Kiên Bái	2	Hoàng Thị Chinh	6/20/1986	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	20/06/2016 06/06/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
57	MN Kiên Bái	3	Hoàng Thị Thu Hằng	5/26/1987	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	09/03/2017 25/04/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
58	MN Kiên Bái	4	Nguyễn Thị Huệ	12/2/1987	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	25/07/2017 20/10/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
59	MN Kiên Bái	5	Nguyễn Thị Thu Huyền	2/26/1988	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	25/07/2016 22/09/2011	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
60	MN Kiên Bái	6	Nguyễn Thị Thúy	8/14/1989	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	25/07/2016 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
61	MN Kỳ Sơn	1	Nguyễn Thúy Thom	10/20/1973	Giáo viên	TC-ĐH SP Mầm non	30/8/2007 22/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x
62	MN Kỳ Sơn	2	Lê Thị Thu	1/28/1972	Giáo viên	TC-ĐH SP Mầm non	30/8/2007 20/06/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x
63	MN Kỳ Sơn	3	Bùi Thị Thoa	7/6/1984	Giáo viên	TC-ĐH SP Mầm non	06/6/2012 20/06/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
64	MN Kỳ Sơn	4	Bùi Thị Lan Hương	6/18/1988	Giáo viên	TC-ĐH SP Mầm non	06/6/2012 20/06/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2022	x
65	MN Kỳ Sơn	5	Trần Thị Nghiêm	12/3/1991	Giáo viên	TC-ĐH SP Mầm non	06/6/2012 20/06/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	9/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	9/1/2022	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
66	MN Kỳ Sơn	6	Đỗ Thu Hằng	11/12/1992	Giáo viên	TC-ĐH SP Mầm non	10/9/2013 22/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
67	MN Lại Xuân	1	Đỗ Thị Dương	10/7/1979	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	20/7/2005 30/12/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3.96	11/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.00	11/1/2023	x
68	MN Lại Xuân	2	Phùng Thị Nguyệt	1/9/1987	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	27/8/2010 25/7/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
69	MN Lại Xuân	3	Nguyễn Thị Nho	5/15/1988	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	27/8/2010 25/7/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	3/1/2023	x
70	MN Lại Xuân	4	Vũ Thị Thu Hải	9/14/1985	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	01/8/2011 25/7/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	8/1/2022	x
71	MN Lại Xuân	5	Vũ Thị Giang	1/2/1982	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	01/8/2011 25/7/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	8/1/2022	x
72	MN Lại Xuân	6	Đoàn Thị Trang Nhung	11/13/1991	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	06/6/2012 09/3/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
73	MN Lại Xuân	7	Nguyễn Thị Loan	11/22/1989	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	01/8/2011 25/7/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	8/1/2022	x
74	MN Lại Xuân	8	Bùi Thị Huyền Trang	7/10/1991	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	06/6/2012 09/1/2018	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
75	MN Lại Xuân	9	Đinh Thị Tuyền	9/15/1991	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	06/6/2012 09/3/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
76	MN Lại Xuân	10	Ngô Thị Ngân	8/24/1987	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	25/4/2014 09/3/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
77	MN Lại Xuân	11	Đoàn Thị Như	7/8/1990	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	25/4/2014 09/3/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
78	MN Lâm Động	1	Đình Thị Mai Hà	12/5/1979	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	17/06/2000 30/12/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	8	4.27	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	8	4.27	0.00	12/1/2023	x
79	MN Lập Lễ	1	Nguyễn Thị Huyền	9/10/1983	Giáo viên	TCMN ĐH SP Mầm non	10/09/2013 22/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	3/1/2023	x
80	MN Liên Khê	1	Nguyễn Thị Phương	1/10/1979	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	06/06/2012 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
81	MN Liên Khê	2	Đoàn Thị Nhung	5/6/1986	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	06/06/2012 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2022	x
82	MN Liên Khê	3	Phạm Thị Thảo	2/7/1984	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	06/06/2012 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
83	MN Lưu Kiếm	1	Lê Thị Thắm	7/20/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	10/09/3013 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
84	MN Lưu Kiếm	2	Nguyễn Thị Thu Thủy	3/22/1989	Giáo viên	TC SPMN ĐH SPMN	1/8/2011 25/7/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	8/1/2022	x
85	MN Lưu Kỳ	1	Nguyễn Thị Huyền Trang	9/1/1985	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	25/04/2014 '09/01/2018	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
86	MN Lưu Kỳ	2	Phạm Thị Thu Ngân	11/5/1987	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	25/04/2014 '09/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
87	MN Minh Đức	1	Đàm Thị Hằng	5/11/1983	Giáo viên	TC SPMN ĐH S MN	27/8/2010 28/11/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
88	MN Minh Đức	2	Lại Thị Xuyên	12/8/1984	Giáo viên	TC SPMN ĐH S MN	27/8/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
89	MN Minh Đức	3	Bùi Thị Xuân	11/20/1970	Giáo viên	TC SP MN CB SP MN	08/10/1996 07/12/2011	12/31/2001	GVMN hạng III	V.07.02.05	9	4.58	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	9	4.58	0.00	12/1/2023	
90	MN Minh Tân	1	Nguyễn Thị Xuân	3/16/1976	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	06/06/2012 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
91	MN Minh Tân	2	Lê Thị Đào	1/12/1972	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	06/06/2012 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
92	MN Minh Tân	3	Hoàng Thị Thảo	8/28/1986	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	06/06/2012 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
93	MN Minh Tân	4	Nguyễn Thị Hương	12/10/1988	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	16/06/2011 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	1/1/2023	x
94	MN Minh Tân	5	Bùi Thị Bích Phương	3/22/1987	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	27/08/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
95	MN Mỹ Đồng	1	Nguyễn Thị Lan Phương	4/25/1982	Giáo viên	TCSP MN ĐH SP MN	01/07/2011 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	1/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	1/1/2022	x
96	MN Mỹ Đồng	2	Nguyễn Thị Xã	3/14/1977	Giáo viên	TCSP MN ĐH SP MN	06/06/2012 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
97	MN Mỹ Đồng	3	Bùi Thị Thảo	4/6/1989	Giáo viên	TCSP MN ĐH SP MN	01/07/2011 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	10/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	10/1/2022	x
98	MN Phá Lễ	1	Lê Thị Vân	3/12/1987	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	07/01/2019; 25/04/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
99	MN Phá Lễ	2	Đình Thị Thúy	5/8/1986	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	22/03/2017; 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
100	MN Phà Lễ	3	Lê Thị Ngọc Yến	6/9/1986	Giáo viên	ĐHSPMN TCSPMN	28/11/2016; 06/06/2012	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
101	MN Phù Ninh	2	Trần Thị Tuyền	8/22/1991	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	06/06/2012 20/06/2016	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
102	MN Phù Ninh	3	Nguyễn Thị Thắm	2/4/1982	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	01/07/2011 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	7/1/2022	x
103	MN Phù Ninh	4	Phạm Thị Dự	5/21/1981	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	01/07/2011 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	7/1/2022	x
104	MN Phù Ninh	5	Phạm Thị Quỳnh	5/29/1991	Giáo viên	TCSP MN ĐHSP MN	01/08/2011 25/07/2016	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	1/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	1/1/2023	x
105	MN Phục Lễ	1	Nguyễn Thị Nôn	3/31/1980	Giáo viên	TC, ĐHSP Mầm non	22/10/2002 15/07/2013	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3.96	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.00	7/1/2022	x
106	MN Phục Lễ	2	Phạm Thị Hải Huyền	7/23/1990	Giáo viên	TC, ĐHSP Mầm non	25/04/2014 09/03/2017	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
107	MN Quảng Thanh	1	Ngô Thị Thúy	3/7/1981	Giáo viên	ĐHSP MN TCSPMN	25/07/2016 20/07/2005	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	8/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	8/1/2022	x
108	MN Quảng Thanh	2	Hoàng Thị Sao Mai	11/6/1988	Giáo viên	ĐHSP Mầm non TCSP Mầm non	25/07/2016 16/06/2008	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	10/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	10/1/2023	x
109	MN Quảng Thanh	3	Trần Thị Hồng Nhung	8/3/1987	Giáo viên	ĐHSP MN TCSPMN	25/07/2016 01/07/2011	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	7/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	7/1/2022	x
110	MN Quảng Thanh	4	Nguyễn Thị Tươi	10/15/1986	Giáo viên	ĐHSP MN TCSPMN	09/03/2017 15/06/2010	26/08/2016 (HQĐĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	11/1/2022	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
111	MN Quảng Thanh	5	Bùi Thị Thảo	7/25/1990	Giáo viên	ĐHSP MN TCSPMN	25/07/2016 01/08/2011	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	2/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	2/1/2022	x
112	MN Quảng Thanh	6	Mạc Thị Huyền	1/22/1985	Giáo viên	ĐHSP MN TCSPMN	25/07/2016 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
113	MN Quảng Thanh	7	Đặng Thị Loan	8/17/1984	Giáo viên	ĐHSP MN TCSPMN	25/07/2016 01/08/2011	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	2/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	2/1/2023	x
114	MN Quảng Thanh	8	Vũ Thị Thanh Kiên	9/21/1977	Giáo viên	ĐHSP MN TCSPMN	22/03/2017 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
115	MN Quảng Thanh	9	Đàm Thị Tình	12/6/1992	Giáo viên	ĐHSP MN TCSPMN	25/07/2016 10/09/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
116	MN Sao Mai	1	Bùi Minh Thúy	6/21/1993	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	25/04/2014 09/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	3/1/2023	x
117	MN Sao Mai	2	Trần Thị Thu Hiền	6/26/1981	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	10/9/2013 22/3/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
118	MN Sao Mai	3	Đình Thị Thanh	12/5/1984	Giáo viên	TC GD MN ĐHGDMN	10/09/2013 09/01/2018	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
119	MN Sao Mai	4	Phạm Thị Toán	7/17/1985	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	10/09/2013 09/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
120	MN Sao Mai	5	Nguyễn Thị Thảo	1/25/1969	Giáo viên	TC SP MN CĐSPMN	04/10/1991 07/12/2011	1/24/1995	GVMN hạng III	V.07.02.05	10+ VK 5%	4.89 + 0,24	1/1/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	10+ VK 5%	4.89 + 0,24	0.00	1/1/2024	
121	MN Sao Mai	6	Phạm Thị Lối	2/1/1972	Giáo viên	TC SP MN CĐSP MN	10/06/1994 07/12/2011	4/29/1998	GVMN hạng III	V.07.02.05	10	4.89	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	10	4.89	0.00	12/1/2023	x
122	MN Tân Dương	2	Trần Thị Cẩm Vi	11/12/1980	Giáo viên	TCMN ĐH SP MN	18/06/2001 30/05/2014	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3.96	4/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.00	4/1/2022	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trúng tuyển xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
123	MN Tân Dương	3	Nguyễn Thị Bích	10/23/1987	Giáo viên	TCMN ĐH SP MN	27/08/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
124	MN Tân Dương	4	Nguyễn Thị Trang	8/22/1985	Giáo viên	TCMN ĐH SP MN	29/03/2013 07/01/2019	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x
125	MN Thiên Hương	1	Bùi Thị Thiết	2/12/1985	Giáo viên	TCSPMN ĐH SP MN	30/08/2007 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	12/1/2023	x
126	MN Thiên Hương	2	Nguyễn Thị Thu Hà	2/13/1974	Giáo viên	TCSPMN ĐH SP MN	27/08/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
127	MN Thiên Hương	3	Phạm Thị Thủy	7/22/1976	Giáo viên	TCSPMN ĐH SP MN	27/08/2010 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
128	MN Thủy Đường	2	Bùi Thị Vân Anh	1/2/1985	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	26/3/2015 30/8/2007	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	6	3.65	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	6	3.65	0.00	6/1/2023	x
129	MN Thủy Đường	3	Đào Thị Nga	7/6/1988	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	7/1/2019 27/8/2010	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	5	3.34	9/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	5	3.34	0.00	9/1/2023	x
130	MN Thủy Đường	4	Cù Thị Phương Thảo	12/24/1991	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	9/3/2017 6/6/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
131	MN Thủy Đường	5	Vì Thị Sao	4/19/1987	Giáo viên	ĐH SP MN TC SP MN	9/1/2018 26/7/2010	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	11/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	11/1/2022	x
132	MN Thủy Đường	6	Hoàng Thị Hoa Liên	4/7/1987	Giáo viên	ĐH SPMN TC SPMN	28/11/2016 6/6/2012	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
133	MN Thủy Sơn	2	Nguyễn Thị Hương	8/1/1977	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	16/06/1997 15/07/2013	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	7	3.96	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	7	3.96	0.00	3/1/2023	x

STT huyện	Tên trường	TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức danh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm tuyển dụng viên chức	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG					CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú (Đánh dấu X nếu trùng xét thăng hạng năm 2020)	
						Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Mức nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã chức danh nghề nghiệp	Bậc mới	Hệ số mới	Chênh lệch hệ số		Mức nâng lương lần sau
134	MN Thủy Sơn	3	Nguyễn Thị Hà Phương	11/20/1981	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	06/06/2012 20/06/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2022	x
135	MN Thủy Sơn	4	Lê Thị Mừng	1/5/1982	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	01/09/2011 20/06/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	3/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	3/1/2022	x
136	MN Thủy Sơn	5	Lã Thị Nguyệt Anh	2/18/1991	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	06/06/2012 09/01/2018	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
137	MN Thủy Sơn	6	Phạm Thị Trang	12/21/1991	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	06/06/2012 25/07/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	9/1/2022	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	9/1/2022	x
138	MN Thủy Sơn	7	Đình Thị Huệ	3/8/1985	Giáo viên	TCSPMN ĐHSPMN	10/09/2013 22/03/2017	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	3/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	3/1/2023	x
139	MN Trung Hà	1	Hoàng Thị Nhâm	2/22/1990	Giáo viên	TC SP MN ĐH SP MN	06/06/2012 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	6/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	6/1/2023	x
140	MN Trung Hà	2	Đỗ Thị Ngọc	7/22/1991	Giáo viên	TCSP MN ĐH SP MN	29/03/2013 25/07/2016	26/08/2016 (HDQĐ60 tuyển đặc cách)	GVMN hạng III	V.07.02.05	4	3.03	12/1/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4	3.03	0.00	12/1/2023	x

Tổng: 140 người